

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HS-ST

Ngày: 09-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- TH2nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 09/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2022/TLST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. *Họ và tên:* Phạm Thị D, sinh năm 1981; tại TH2nh phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: Không đăng ký; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, không rõ năm sinh, đã chết; con bà Lê Thị B, không rõ năm sinh, đã chết; có 02 người con, lớn sinh năm 1999 và nhỏ sinh năm 2004; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ và chuyển sang tạm giam từ ngày 03/4/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. *Họ và tên:* Trần Thị H, sinh năm 1963; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1927, đã chết; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1929; có chồng tên Trần Văn D, sinh năm 1963; có 03 người con, lớn sinh năm 1982 và nhỏ sinh năm 1999; tiền sự: Ngày 03/3/2022, bị Công an xã T, huyện D xử phạt 1.500.000 đồng về H2nh vi đánh bạc theo Quyết định xử phạt vi phạm

H2nh chính số 12/QĐ-XPHC; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ và chuyển sang tạm giam từ ngày 03/4/2022 cho đến ngày 18/5/2022; sau đó được cho bảo lãnh và áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 19/5/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. *Họ và tên*: Trần Thị H1, sinh năm 1962; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1927, đã chết; con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1929; có chồng tên Thượng Minh C, không rõ năm sinh, đã chết; có 02 người con, lớn sinh năm 1977 và nhỏ sinh năm 1992; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/4/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. *Họ và tên*: Lê Thị H2 (*tên gọi khác* Hiền), sinh năm 1962; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn R, không rõ năm sinh, đã chết; con bà Nguyễn Thị M, không rõ năm sinh, đã chết; có chồng tên Lê Văn T, sinh năm 1960; có 04 người con, lớn sinh năm 1983, nhỏ sinh năm 1996; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/4/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. *Họ và tên*: Hồ Minh H3, sinh năm 1987; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn T, sinh năm 1955; con bà Phạm Thị M, sinh năm 1959; có chồng tên Nguyễn Tấn D, sinh năm 1981 (*đã ly hôn*); có 02 người con, lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2015; tiền sự: Không; tiền án: Bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 30/2020/HSST ngày 15/6/2020. Đến ngày 15/10/2021 thì chấp hành xong thời gian thử thách và đóng án phí theo quy định nhưng chưa đủ thời hạn xóa án tích; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/4/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. *Họ và tên*: Huỳnh Thị N, sinh năm 1971; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1930, đã chết; con bà Trần Thị P, sinh năm 1939, đã chết; có chồng tên Phan Văn R, sinh năm 1971; có 03 người con, lớn sinh năm 1993, nhỏ sinh năm 2001; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/4/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. *Họ và tên*: Nguyễn Thị D1, sinh năm 1955; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Nông dân; trình độ

học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1910, đã chết; con bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1919, đã chết; có chồng tên Lê Văn H, sinh năm 1952; có 04 người con, lớn sinh năm 1976, nhỏ sinh năm 1987; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/4/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. *Họ và tên*: Tô Thị Ngọc V, sinh năm 1985; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tô Văn H, sinh năm 1960, đã chết; con bà Trần Thị S, sinh năm 1959; có chồng tên Lâm Công C, sinh năm 1976; có 02 người con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2021; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/4/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

9. *Họ và tên*: Nguyễn Thị Thiên T, sinh năm 1981; tại tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công T, sinh năm 1942; con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1946, đã chết; có chồng tên Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1982 (*đã ly hôn*); có 01 người con sinh năm 2012; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội Đánh bạc theo Bản án số 27/2017/HS-ST ngày 14/6/2017 (*đã xoá án tích*); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 03/4/2022 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 03/4/2022, Nguyễn Thị D1, Huỳnh Thị N và Trần Thị H1 đến quán nước của bà Hòa tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương uống nước. Tại đây, D, N và H1 gặp đối tượng Ng (*không rõ nhân thân, lai lịch*) đang bán vé số tại đây. Lúc này Ng có mang theo 01 bộ bài tây nên đã rủ D, N và H1 ra phía sau khu vực chuồng bò của Lê Thị H2 (chuồng bò H2 cách quán nước nhà bà Hòa khoảng 50 m) và sử dụng 01 bao nylon màu xanh có sẵn tại đây trải ra nền đất và cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài sắc tê dĩa. Hình thức đánh bạc là sử dụng 01 bộ bài tây 52 lá, chia thành mỗi người 01 tụ, mỗi tụ 06 lá, mỗi ván người chơi đặt cược số tiền 10.000 đồng. 01 ván bài sẽ được tiến hành theo 06 vòng, ở vòng 1, người chia bài đi đầu tiên đánh 01 lá bài xuống, người nào có lá bài có giá trị lớn hơn và đồng chất thì bắt; những người chơi còn lại không có thì sẽ thiếp bài (*tức chọn 01 lá bài bất kì để úp bỏ*). Ở vòng 2, người thắng ở vòng 1 tiếp tục đánh 01 lá bài,

người nào có lá bài có giá trị lớn hơn và đồng chất thì bắt; những người chơi còn lại không có thì sẽ thiệp bài tương tự như vòng 1. Ở vòng 3 và vòng 4, cách đánh như vòng 1 và vòng 2. Kết thúc bốn vòng đấu, người nào không có lá bài tưng (*tức đã từng thắng ở các vòng trước*) nào sẽ thua cuộc và bị loại ra khỏi cuộc chơi, không được tham gia vào vòng 5 - 6. Nếu chỉ có một người giữ được quân tưng trong cả bốn vòng chơi đầu thì sẽ giành chiến thắng chung cuộc. Trong trường hợp có từ 02 người trở lên sở hữu quân tưng; mọi người sẽ bắt đầu tiến hành trưng bài (*tức mở 01 lá bài trong 02 lá còn lại*) ở vòng 5 và 6. Người chiến thắng cuối cùng là tay bài sở hữu quân tưng đồng chất và mạnh nhất trong quá trình so bài.

Chơi được khoảng 30 phút thì Phạm Thị D, Trần Thị H đến khu vực chuồng bò của H2. Lúc này, D rủ mọi người tham gia đánh bạc dưới hình thức bài cào được thua bằng tiền do D làm cái thì mọi người đồng ý chơi, riêng đối tượng Ng không chơi nữa và đi về.

Hình thức chơi bài cào là D làm cái sử dụng 01 bộ bài 52 lá chia cho mỗi tụ tham gia 03 lá bài, mỗi ván đặt từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng. Hình thức đánh bạc là người chơi sẽ mở bài và tính điểm tương ứng với từng lá bài (riêng lá bài J, Q, K tính 10 điểm, lá bài A tính 1 điểm) tổng điểm thấp nhất là bù (10, 20, 30 điểm) và cao nhất là 9 điểm. Sau đó, từng tụ bài sẽ so bài với tụ cái để tính thắng thua. Khi tụ bài của D được 9 điểm hoặc thắng tất cả các tụ khác thì D cho bà H2 20.000 đồng. Cả nhóm chơi được một lúc thì các bị cáo Tô Thị Ngọc V, Hồ Minh H3 và Nguyễn Thị Thiên T đến tham gia đánh bạc. Cả nhóm chơi đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày thì bị Công an xã T bắt quả tang và thu giữ các vật chứng gồm:

- *Thu giữ tại chiếu bạc:*

- + 01 bộ bài tây đã qua sử dụng;
- + 01 bao màu xanh lá cây, kích thước 50 x 95cm;
- + Tiền Việt Nam: 4.160.000 đồng.

- *Thu giữ trên người:*

1. Thu của Phạm Thị D: 3.784.000 đồng.
2. Thu của Hồ Minh H3: 150.000 đồng.
3. Thu của Nguyễn Thị D1: 1.200.000 đồng.
4. Thu của Huỳnh Thị N: 800.000 đồng.
5. Thu của Trần Thị H1: 470.000 đồng.

- *Thu giữ tài sản khác:* 01 xe mô tô biển số 61H1 - 223.42 nhãn hiệu SYM Elegant II, màu đỏ đen của Trần Thị H.

- Quá trình điều tra, Lê Thị H2 giao nộp số tiền thu lợi bất chính 60.000 đồng (tiền xâu) và Nguyễn Thị Thiên T giao nộp số tiền dùng để đánh bạc 30.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định hành vi tham gia đánh bạc của các bị cáo, cụ thể như sau:

- *Đối với **Lê Thị H2***: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/4/2022, H1, D, N và 01 đối tượng tên Ng đến chuồng bò của nhà H2 xin chơi đánh bài sắc tê dùa thì H2 đồng ý. Sau đó các bị cáo D, H, H3, V và T đến tham gia chơi bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền do D làm cái. Trong quá trình đánh bạc, D cao điểm nhất 03 lần và đưa cho H2 tiền xâu mỗi lần là 20.000 đồng, tổng cộng là 60.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị Công an xã T bắt quả tang, khi bị bắt H2 giao nộp số tiền là 60.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

- *Đối với **Trần Thị H1***: Vào khoảng 14 giờ ngày 03/4/2022, H1 đi uống cà phê tại quán của Hòa, H1 mang theo số tiền là 470.000 đồng và dùng 200.000 đồng để tham gia đánh bạc dưới hình thức bài sắc tê và bài cào. H1 hùn vốn với D1, mỗi người hùn số tiền là 100.000 đồng. Tổng cộng là 200.000 nhưng do H1 bỏ tiền ra trước là 200.000 đồng. H1 và D1 thống nhất chơi nếu thua hết số tiền 200.000 đồng thì nghỉ, còn nếu thắng thì chia đôi số tiền thắng. Khi chơi được khoảng 10 ván bài thì huê vốn vẫn còn số tiền 200.000 đồng, H1 lấy tiền vốn của H1 đã bỏ ra trước và nghỉ, không chơi nữa.

- *Đối với **Huỳnh Thị N***: Vào khoảng 14 giờ ngày 03/4/2022, N đến quán cà phê của Hòa uống cà phê, N mang theo số tiền 300.000 đồng và sử dụng để đánh bạc dưới hình thức bài sắc tê và bài cào. N hùn vốn với D1, mỗi người hùn số tiền là 300.000 đồng, do D1 bỏ tiền ra trước là 600.000 đồng, tham gia chơi được hơn 20 ván bài. Chơi đến khoảng hơn 16 giờ cùng ngày thì thắng được số tiền 200.000 đồng và bị Công an xã T bắt quả tang.

- *Đối với **Nguyễn Thị D1***: Vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 03/4/2022, D1 đi từ nhà đến quán cà phê của Hòa, tại đây D1 mang theo số tiền là 1.900.000 đồng và sử dụng để đánh bạc dưới hình thức bài sắc tê và bài cào. D1 và H1 hùn vốn mỗi người 100.000 đồng nhưng H1 tự bỏ ra trước số tiền 200.000 đồng, chơi được khoảng 10 ván bài thì huê vốn và H1 nghỉ không chơi và H1 lấy lại số tiền 200.000 đồng. Sau đó, D1 tiếp tục hùn vốn cùng với N, mỗi người hùn số tiền 300.000 đồng, D1 bỏ tiền ra trước là 600.000 đồng. Tham gia chơi được hơn 20 ván bài và chơi đến khoảng hơn 16 giờ 00 phút cùng ngày thì thắng được số tiền 200.000 đồng và bị Công an xã T bắt quả tang. D1 còn trong người là 1.200.000 đồng và bị Công an thu giữ, còn số tiền 100.000 đồng bị rơi mất.

- *Đối với **Phạm Thị D***: Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 03/4/2022, D đi đến khu vực chuồng bò nhà Hòa, D mang theo số tiền là 2.384.000 đồng và sử dụng 2.000.000 đồng đánh bạc dưới hình thức bài cào 03 lá do D làm cái. Khi chơi được khoảng hơn 15 ván, D thắng được số tiền là 1.400.000 đồng. D đưa tiền xâu cho H2 03 lần với tổng số tiền là 60.000 đồng. D lấy số tiền là 3.400.000 đồng (*bao gồm tiền vốn và tiền thắng*) cất vào túi quần rồi tiếp tục chơi và thắng thêm số tiền hơn 300.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ 00 phút cùng

ngày thì lực lượng Công an xã T đến bắt quả tang thì D vứt bỏ số tiền hơn 300.000 đồng ra chiếu bạc, số tiền còn lại bị Công an xã T thu giữ.

- *Đối với Trần Thị H:* Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 03/4/2022, H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM, màu sơn đỏ đen, biển số 61H1 - 223.42 đi đến nhà của H2 để gặp bạn lấy tiền. Tại đây, H mang theo số tiền là 200.000 đồng và sử dụng để đánh bài cào, mỗi ván đặt số tiền từ 30.000 đồng đến 40.000 đồng. H tham gia chơi được khoảng 05 - 06 ván bài thì thua hết số tiền 200.000 đồng. Sau đó không chơi nữa và đứng xem đánh bài đến khoảng 16 giờ thì bị Công an xã T bắt quả tang.

- *Đối với Tô Thị Ngọc V:* Vào khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/4/2022, V điều khiển xe mô tô chở 02 đứa con của V đi rửa xe tại tiệm của anh Oanh tại ấp B, xã T. Khi đang ngồi chờ rửa xe thì gặp H3 đi ngang qua và ghé vào nói chuyện thì V nghe H3 nói phía sau chuồng bò nhà H2 có chơi đánh bài thắng thua bằng tiền. V để xe mô tô lại để rửa và dẫn 02 đứa con đi đến chỗ chuồng bò của H2. V mang theo số tiền là 400.000 đồng và tham gia vào chơi đánh bài cào, đặt được 03 ván bài, mỗi ván 50.000 đồng thì V thua hết số tiền 150.000 đồng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị lực lượng Công an xã T đến bắt quả tang. Khi bị bắt, V còn 250.000 đồng, V bỏ chạy vứt bỏ ở đâu không rõ.

- *Đối với Hồ Minh H3:* Vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 03/4/2022, H3 điều khiển xe mô tô đi rửa xe tại tiệm của anh Oanh tại ấp B, xã T và gặp V cũng rửa xe ở đây. Khi đó H3 nghe nói phía sau chuồng bò nhà H2 có chơi đánh bài thắng thua bằng tiền, H3 nói cho V biết và để xe mô tô lại để rửa và đi đến chỗ chuồng bò của H2. Lúc này, H3 mang theo số tiền là 500.000 đồng, H3 sử dụng 350.000 đồng và cầm trên tay để đánh bài cào. H3 tham gia chơi được 03 ván bài, mỗi ván đặt số tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng thắng được số tiền 50.000 đồng thì bị Công an xã T bắt quả tang, H3 cầm số tiền 400.000 đồng vứt bỏ tại chiếu bạc.

- *Đối với Nguyễn Thị Thiên T:* Vào khoảng 15 giờ 45 phút ngày 03/4/2022, T đi bộ đến chuồng bò nhà của H2, tại đây T thấy các bị cáo H, H1, N, D1, D, H3 và V đang tham gia chơi bài cào 03 lá thắng thua bằng tiền. Lúc này, T sử dụng số tiền 50.000 đồng để đánh bạc. T tham gia đặt 01 ván với số tiền 20.000 đồng. Khi D đang chia bài chơi thì bị lực lượng Công an xã T đến bắt quả tang, T còn lại 30.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 9.850.000 đồng.

Đối với hành vi của đối tượng Ng tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài sắc tê dĩa, do không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng Ng nên chưa có căn cứ để xử lý. Khi có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý theo quy định.

Đối với 01 bộ bài tây đã qua sử dụng, 01 bao màu xanh lá cây, kích thước 50 x 95cm, là công cụ được các bị cáo sử dụng và việc phạm tội.

Đối với 01 xe mô tô biển số 61H1 - 223.42 nhãn hiệu SYM Elegant II, màu đỏ đen (*giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy thể hiện màu sơn của xe là xanh – trắng*), số máy MSACEH034726, số khung 10MHEH034726. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô này do bị cáo H là chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với tổng số tiền 9.850.000 đồng (*gồm 4.160.000 đồng thu được trên chiếu bạc, thu của bị cáo H2 60.000 đồng, thu của bị cáo N 800.000 đồng, thu của bị cáo D1 1.200.000 đồng, thu của bị cáo T 30.000 đồng, thu của bị cáo D 3.400.000 đồng, thu của bị cáo H1 200.000 đồng*), là số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc.

Đối với số tiền 384.000 đồng thu giữ của bị cáo D. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên D không sử dụng để đánh bạc.

Đối với số tiền 270.000 đồng thu giữ của bị cáo H1. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên H1 không sử dụng đánh bạc.

Đối với số tiền 150.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo H3. Quá trình điều tra xác định, H3 không sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc.

Tại Cáo trạng số 56/CT-VKSDT-HS ngày 28/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương đã truy tố các bị cáo Phạm Thị D, Trần Thị H1, Huỳnh Thị N, Tô Thị Ngọc V, Lê Thị H2, Nguyễn Thị D1, Trần Thị H, Hồ Minh H3 và Nguyễn Thị Thiên T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương giữ nguyên quan điểm và quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị:

- Về hình phạt:

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt, bị cáo Phạm Thị D 05 (năm) tháng 10 (mười) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ tạm giam 03/4/2022 đến ngày 09/9/2022, bằng thời hạn tạm giam.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt, bị cáo Trần Thị H 04 (bốn) tháng đến 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ tạm giam 03/4/2022 đến ngày 18/5/2022.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt, bị cáo Hồ Minh H3 06 (sáu) tháng đến 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt, bị cáo Nguyễn Thị Thiên T 04 (bốn) tháng đến 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt, bị cáo Trần Thị H1, Lê Thị H2, Nguyễn Thị D1, Huỳnh Thị N, Tô Thị Ngọc V, mỗi bị cáo số tiền 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 bộ bài tây đã qua sử dụng; 01 bao màu xanh lá cây, kích thước 50 x 95cm là công cụ được các bị cáo sử dụng và việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với tổng số tiền 9.850.000 đồng (gồm 4.160.000 đồng thu được trên chiếu bạc, thu của bị cáo H2 60.000 đồng, thu của bị cáo N 800.000 đồng, thu của bị cáo D1 1.200.000 đồng, thu của bị cáo T 30.000 đồng, thu của bị cáo D 3.400.000 đồng, thu của bị cáo H1 200.000 đồng), là số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 61H1 - 223.42 nhãn hiệu SYM Elegant II, màu đỏ đen (giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy thể hiện màu sơn của xe là xanh – trắng), số máy MSACEH034726, số khung 10MHEH034726. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô này do bị cáo H là chủ sở hữu hợp pháp, bị cáo H sử dụng xe ban đầu không nhằm mục đích đánh bạc nên đề nghị trả lại xe mô tô trên cho bị cáo H.

+ Đối với số tiền 384.000 đồng thu giữ của bị cáo D. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên D không sử dụng để đánh bạc nên đề nghị trả lại cho bị cáo D.

+ Đối với số tiền 270.000 đồng thu giữ của bị cáo H1. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên H1 không sử dụng đánh bạc nên đề nghị trả lại cho bị cáo H1.

+ Đối với số tiền 150.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo H3. Quá trình điều tra xác định, H3 không sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc nên đề nghị trả lại cho bị cáo H3.

Tại phiên tòa, các bị cáo D, H1, N, V, H2, D1, H, H3 và T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để các bị cáo có điều kiện cải tạo làm người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời, các bị cáo D1, H và H1 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ là có người thân tham gia cách mạng được nhà nước tặng thưởng huân huy chương. Hai bị cáo H3 và T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho hai bị cáo được hưởng án treo. Ngoài ra, các bị cáo D, H1, N, V, H2, D1, H, H3 và T không có ý kiến tranh luận gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Dầu Tiếng và Điều tra viên; Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa không bị ai khiếu nại gì về việc tiến hành các hoạt động tố tụng, thu thập chứng cứ đối với vụ án nên toàn bộ hoạt động tố tụng, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo D, H1, N, V, H2, D1, H, H3 và T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, cụ thể: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 03/4/2022, tại chuồng bò nhà bị cáo H2 thuộc ấp B, xã T, các bị cáo D1, N, H1 và đối tượng Ng (*không rõ nhân thân, lai lịch*) đã sử dụng 01 bao nylon màu xanh trải ra nền đất và cùng nhau đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi bài sắc tê dĩa. Tiếp sau đó thì các bị cáo D, H, V, H3 và T đến và tất cả chuyển sang chơi bài cào do D làm cái. Tất cả chơi đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì bị Công an xã T bắt quả tang. Quá trình điều tra đã xác định được, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra cùng các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Do đó, Cáo trạng số 56/CT-VKSDT-HS ngày 28/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, truy tố đối với các bị cáo D, H1, N, V, H2, D1, H, H3 và T về tội “Đánh bạc” theo quy định tại Điều 321 của Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo D, H1, N, V, H2, D1, H, H3 và T tuy đơn giản nhưng nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng nơi xảy ra vụ án, là hệ lụy kéo theo nhiều tệ nạn xã hội khác, làm cho quần chúng nhân dân mất lòng tin vào chính quyền khi để tệ nạn xã hội xảy ra tại địa phương mình quản lý.

[4] Xét chủ thể, động cơ và mục đích phạm tội của các bị cáo thấy rằng: các bị cáo đều là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có đầy đủ năng lực để nhận thức được việc làm của mình là vi phạm pháp luật, thế nhưng các bị cáo bất chấp hậu quả để thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Thực hiện tội phạm với mục đích sát phạt nhau bằng tiền, nhằm thỏa mãn thói hư tật xấu tham gia đánh bạc của mình.

[5] Xét tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo thì vụ án có tính đồng phạm giản đơn, không có sự phân công, không có tổ chức chặt chẽ cho từng thành viên, tham gia với quy mô nhỏ, số tiền dùng để đánh bạc không lớn. Tuy nhiên, để cá thể hóa hình phạt cho từng bị cáo thì phải xem xét vai trò cụ thể của mỗi bị cáo khi thực hiện tội phạm:

[5.1] *Đối với Phạm Thị D*: Bị cáo D tham gia với vai trò là người làm cái chơi bài cào, bị cáo D mang theo số tiền là 2.384.000 đồng và sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc. Khi chơi được khoảng hơn 15 ván, D thắng được

số tiền là 1.400.000 đồng. D đưa tiền xâu cho H2 03 lần với tổng số tiền là 60.000 đồng. Quá trình đánh bạc, D thắng được số tiền là 1.700.000 đồng (*bao gồm tiền thắng 1.400.000 đồng bỏ vào túi và 300.000 đồng bỏ tại chiếu bạc*). Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Do đó, bị cáo D bị truy tố và đưa ra xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5.2] *Đối với Lê Thị H2*: Khi có ý kiến mượn địa điểm của các bị cáo khác thì bị cáo H2 đã đồng ý và quá trình đánh bạc bị cáo D có đưa tiền xâu cho bị cáo H2 03 lần, mỗi lần là 20.000 đồng, tổng cộng là 60.000 đồng. hành vi của bị cáo H2 thỏa mãn dấu hiệu của tội phạm “Gá bạc” nhưng chưa đủ định lượng bị truy tố nên bị cáo bị truy tố về tội “Đánh bạc” với vai trò đồng phạm giúp sức về địa điểm và có thu tiền xâu. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Do đó, bị cáo H2 bị truy tố và đưa ra xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5.3] *Đối với Trần Thị H1*: Bị cáo H1 tham gia với vai trò là con bạc, trực tiếp tham gia với hình thức đánh bài sắc tê và bài cào. Bị cáo H1 mang theo số tiền là 470.000 đồng và dùng 200.000 đồng để tham gia đánh bạc. Bị cáo H1 hùn vốn với bị cáo D1, mỗi người hùn số tiền là 100.000 đồng và bị cáo H1 là người bỏ tiền ra trước là 200.000 đồng, bị cáo H1 chơi được khoảng 10 ván bài thì huê vốn vẫn còn số tiền 200.000 đồng thì nghỉ, không chơi nữa. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Do đó, bị cáo H1 bị truy tố và đưa ra xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng quy định.

[5.4] *Đối với Huỳnh Thị N*: Bị cáo N tham gia với vai trò là con bạc, trực tiếp tham gia và bị cáo N mang theo số tiền 300.000 đồng và sử dụng để đánh bạc dưới hình thức bài sắc tê và bài cào. Bị cáo N hùn vốn với bị cáo D1, mỗi người hùn số tiền là 300.000 đồng, do D1 bỏ tiền ra trước là 600.000 đồng, tham gia chơi được hơn 20 ván bài và thắng được số tiền 200.000 đồng và bị Công an xã T bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Do đó, bị cáo N bị truy tố và đưa ra xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng quy định.

[5.5] *Đối với Nguyễn Thị D1*: Bị cáo D1 tham gia với vai trò là con bạc, trực tiếp tham gia và bị cáo D1 mang theo số tiền 1.900.000 đồng và sử dụng để đánh bạc dưới hình thức bài sắc tê và bài cào. Lúc đầu, bị cáo D1 và bị cáo H1 hùn vốn mỗi người 100.000 đồng. Sau đó, bị cáo D1 tiếp tục hùn vốn cùng với bị cáo N, mỗi người hùn số tiền 300.000 đồng, D1 bỏ tiền ra trước là 600.000 đồng. Tham gia chơi đến khoảng hơn 16 giờ 00 phút cùng ngày thì thắng được số tiền 200.000 đồng và bị Công an xã T bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo D1 và bị Tòa án

đưa ra xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng quy định.

[5.6] *Đối với Tô Thị Ngọc V:* Bị cáo V tham gia với vai trò là con bạc, trực tiếp tham gia và bị cáo V mang theo số tiền 400.000 đồng và sử dụng để đánh bạc dưới hình thức bài cào. Bị cáo V tham gia chơi được khoảng 03 ván bài thì thua hết số tiền 150.000 đồng, đến khoảng 16 giờ thì bị Công an xã T bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Hành vi của bị cáo V đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

[5.7] *Đối với Trần Thị H:* Bị cáo H tham gia với vai trò là con bạc, trực tiếp tham gia và bị cáo H mang theo số tiền 200.000 đồng và sử dụng để đánh bạc dưới hình thức bài cào. Bị cáo H tham gia chơi được khoảng 05 - 06 ván bài thì thua hết số tiền 200.000 đồng, sau đó không chơi nữa và đứng xem đánh bài. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo H và bị Tòa án đưa ra xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là đúng quy định.

Ngoài ra, bị cáo H còn có tiền sự về hành vi đánh bạc và bị Công an xã T, huyện D xử phạt 1.500.000 đồng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 12/QĐ-XPHC ngày 03/3/2022.

[5.8] *Đối với Nguyễn Thị Thiên T:* Bị cáo T tham gia với vai trò là con bạc, trực tiếp tham gia và bị cáo T mang theo số tiền 50.000 đồng và sử dụng để đánh bạc dưới hình thức bài cào. T tham gia đặt 01 ván với số tiền 20.000 đồng, khi bị cáo D đang chia bài chơi thì bị lực lượng Công an xã T đến bắt quả tang, bị cáo T còn lại 30.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo T và bị Tòa án đưa ra xét xử về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

Ngoài ra, bị cáo T còn có nhân thân xấu vì ngày 14/6/2017, bị Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 27/2017/HS-ST ngày 14/6/2017, tính đến ngày phạm tội 03/4/2022 đã được xóa án tích.

[5.9] *Đối với Hồ Minh H3:* Bị cáo H3 tham gia với vai trò là con bạc, trực tiếp tham gia và bị cáo H3 mang theo số tiền 500.000 đồng và sử dụng 350.000 đồng cầm trên tay để đánh bài cào. H3 tham gia chơi được 03 ván bài, mỗi ván đặt số tiền từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng thắng được số tiền 50.000 đồng thì bị Công an xã T bắt quả tang, H3 cầm số tiền 400.000 đồng vứt bỏ tại chiếu bạc. Tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc và cơ quan điều tra chứng minh được là 9.850.000 đồng. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo H3 về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

Ngoài ra, bị cáo H3 còn có tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 30/2020/HSST ngày 15/6/2020 của Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương với mức án 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng. Đến ngày 15/10/2021, bị cáo thì chấp hành xong thời gian thử thách và đóng án phí theo quy định nhưng chưa đủ thời hạn xoá án tích.

[6] Để đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm mà đặc biệt là tội phạm vi phạm trật tự an toàn công cộng mà cụ thể là đánh bạc nên cần phải xử lý thật nghiêm bằng hình phạt tiền và phạt tù để các bị cáo D, H1, N, V, H2, D1, H, H3 và T có điều kiện được giáo dục và cải tạo thành người công dân tốt sau này cũng như răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, vai trò và mức độ tham gia thực hiện tội phạm của các bị cáo là khác nhau nên phải chịu trách nhiệm hình sự khác nhau theo Điều 58 của Bộ luật hình sự.

[7] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như:

- Tất cả các bị cáo D, H1, N, V, H2, D1, H thuộc trường hợp phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo các quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H và H1 có mẹ tham gia cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng III; bị cáo D1 là mẹ người có công với nước được Chủ tịch nước tặng Huân chương kháng chiến; bị cáo H1 hiện đang bị bệnh ung thư phổi; bị cáo V có con nhỏ sinh năm 2021; bị cáo D không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo H3 và T thuộc trường hợp thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo các quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo H3 có trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[8] Hội đồng xét xử có xem xét đến các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H3 là phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo còn lại D, H1, N, V, H2, D1, H và T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về phần tội danh, điều khoản truy tố đối với các bị cáo D, H, H1, N, V, H2, D1, H3 và T là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Mức hình phạt đề nghị áp dụng đối với các bị cáo H3, H1, N, V, H2 và D1 là phù hợp.

- Đề nghị hình phạt 05 tháng 10 ngày tù đối với bị cáo D là tương đối nhẹ, không tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nên cần phải tuyên mức án cao hơn để bị cáo thấy được sự nghiêm minh của pháp luật.

- Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần Thị H 04 (bốn) tháng đến 05 (năm) tháng tù là hơi nghiêm khắc. Bị cáo H tham gia với số tiền mang theo là 200.000 đồng, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải, bị cáo có mẹ tham gia cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng III nên cần được xem xét áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự hạ khung hình phạt và xử phạt mức đầu khung hình phạt tù là phù hợp.

- Đối với bị cáo T, Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt là tù và không cho hưởng án treo là hơi nghiêm khắc. Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo T đủ điều kiện để được hưởng án treo.

[10] Xét thấy, bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định; có nơi cư trú rõ ràng để cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám sát, giáo dục; việc không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù thì bị cáo vẫn có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội là phù hợp theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự được hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đồng thời, việc cho bị cáo hưởng án treo cũng như nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nhà nước ta, tạo cơ hội cho bị cáo tự cải tạo thành người công dân tốt.

[11] Các bị cáo D, H, H3 và T đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tù và các bị cáo N, D1, H1, V và H2 đã áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền, Hội đồng xét xử đã cân nhắc đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

[12] Hành vi đánh bạc của đối tượng Ng tham gia đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức bài sắc tê dùa, do không xác định được nhân thân, lai lịch của đối tượng Ng nên chưa có căn cứ để xử lý. Khi có đủ căn cứ sẽ tiến hành xử lý là phù hợp theo quy định.

[13] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã thu giữ và cân xử lý các vật chứng như sau:

+ Đối với 01 bộ bài tây đã qua sử dụng; 01 bao màu xanh lá cây, kích thước 50 x 95 cm, là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với tổng số tiền 9.850.000 đồng (gồm 4.160.000 đồng thu được trên chiếu bạc, thu của bị cáo H2 60.000 đồng, thu của bị cáo N 800.000 đồng, thu của bị cáo D1 1.200.000 đồng, thu của bị cáo T 30.000 đồng, thu của bị cáo D 3.400.000 đồng, thu của bị cáo H1 200.000 đồng), là số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với 01 xe mô tô biển số 61H1 - 223.42 nhãn hiệu SYM Elegant II, màu đỏ đen (*giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy thể hiện màu sơn của xe là xanh – trắng*), số máy MSACEH034726, số khung 10MHEH034726. Quá trình điều tra xác định, xe mô tô này do bị cáo H là chủ sở hữu hợp pháp, bị cáo H sử dụng xe ban đầu không nhằm mục đích đánh bạc nên trả lại xe mô tô trên cho bị cáo H.

+ Đối với số tiền 384.000 đồng thu giữ của bị cáo D. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên D không sử dụng để đánh bạc nên trả lại cho bị cáo D.

+ Đối với số tiền 270.000 đồng thu giữ của bị cáo H1. Quá trình điều tra xác định, số tiền trên H1 không sử dụng đánh bạc nên trả lại cho bị cáo H1.

+ Đối với số tiền 150.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo H3. Quá trình điều tra xác định, H3 không sử dụng số tiền trên vào mục đích đánh bạc nên trả lại cho bị cáo H3.

[14] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Thị D, Trần Thị H1, Huỳnh Thị N, Tô Thị Ngọc V, Lê Thị H2, Nguyễn Thị D, Trần Thị H, Hồ Minh H3 và Nguyễn Thị Thiên T phạm tội “Đánh bạc”.

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt, bị cáo Phạm Thị D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ chuyển sang tạm giam ngày 03/4/2022.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt, bị cáo Trần Thị H 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam 03/4/2022 đến ngày 18/5/2022.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt, bị cáo Hồ Minh H3 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt, bị cáo Nguyễn Thị Thiên T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm. Thời gian thử thách tính từ ngày Tòa tuyên án, ngày 09/9/2022.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thiên T cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt:

- Bị cáo Trần Thị H1 số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).
- Bị cáo Nguyễn Thị D1 số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).
- Bị cáo Tô Thị Ngọc V số tiền 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu đồng*).

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 35; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt:

- Bị cáo Lê Thị H2 số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*).
- Bị cáo Huỳnh Thị N số tiền 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu đồng*).

II. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

1. Tịch thu tiêu hủy đối với 01 bộ bài tây đã qua sử dụng; 01 bao màu xanh lá cây, kích thước 50 x 95 cm là công cụ được các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

2. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước đối với tổng số tiền 9.850.000 đồng (*gồm 4.160.000 đồng thu được trên chiếu bạc, thu của bị cáo H2 60.000 đồng, thu của bị cáo N 800.000 đồng, thu của bị cáo D1 1.200.000 đồng, thu của bị cáo T 30.000 đồng, thu của bị cáo D 3.400.000 đồng, thu của bị cáo H1 200.000 đồng*) là số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc.

3. Trả lại cho bị cáo Trần Thị H 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM, số loại Elegant, loại xe: hai bánh, màu sơn đỏ đen, biển số 61H1 - 223.42, số máy VMSACEH034726, số khung RLGSC10MHEH034726 do bị cáo H là chủ sở hữu hợp pháp.

4. Trả lại cho bị cáo Phạm Thị D số tiền 384.000 đồng (*ba trăm tám mươi bốn nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo D nhưng không liên quan đến việc phạm tội.

5. Trả lại cho bị cáo Trần Thị H1 số tiền 270.000 đồng (*hai trăm bảy mươi nghìn đồng*) thu giữ của bị cáo H1 nhưng không liên quan đến việc phạm tội.

6. Trả lại cho bị cáo Hồ Minh H3 số tiền 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) thu giữ trên người của bị cáo H3 nhưng không liên quan đến việc phạm tội.

(Số tiền trên thể hiện tại Biên lai thu tiền số: AA/2021/0004283 ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng và biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng).

III. Án phí hình sự sơ thẩm:

- Bị cáo Phạm Thị D phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
- Bị cáo Trần Thị H1 phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
- Bị cáo Huỳnh Thị N phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
- Bị cáo Tô Thị Ngọc V phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
- Bị cáo Lê Thị H2 phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
- Bị cáo Nguyễn Thị D1 phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
- Bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
- Bị cáo Hồ Minh H3 phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).
- Bị cáo Nguyễn Thị Thiên T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*).

IV. Quyền kháng cáo:

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 09/9/2022)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Bình Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA H. Dầu Tiếng;
- Cơ quan THAHS&HTTT - CA H. Dầu Tiếng;
- CC THA DS H. Dầu Tiếng;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng